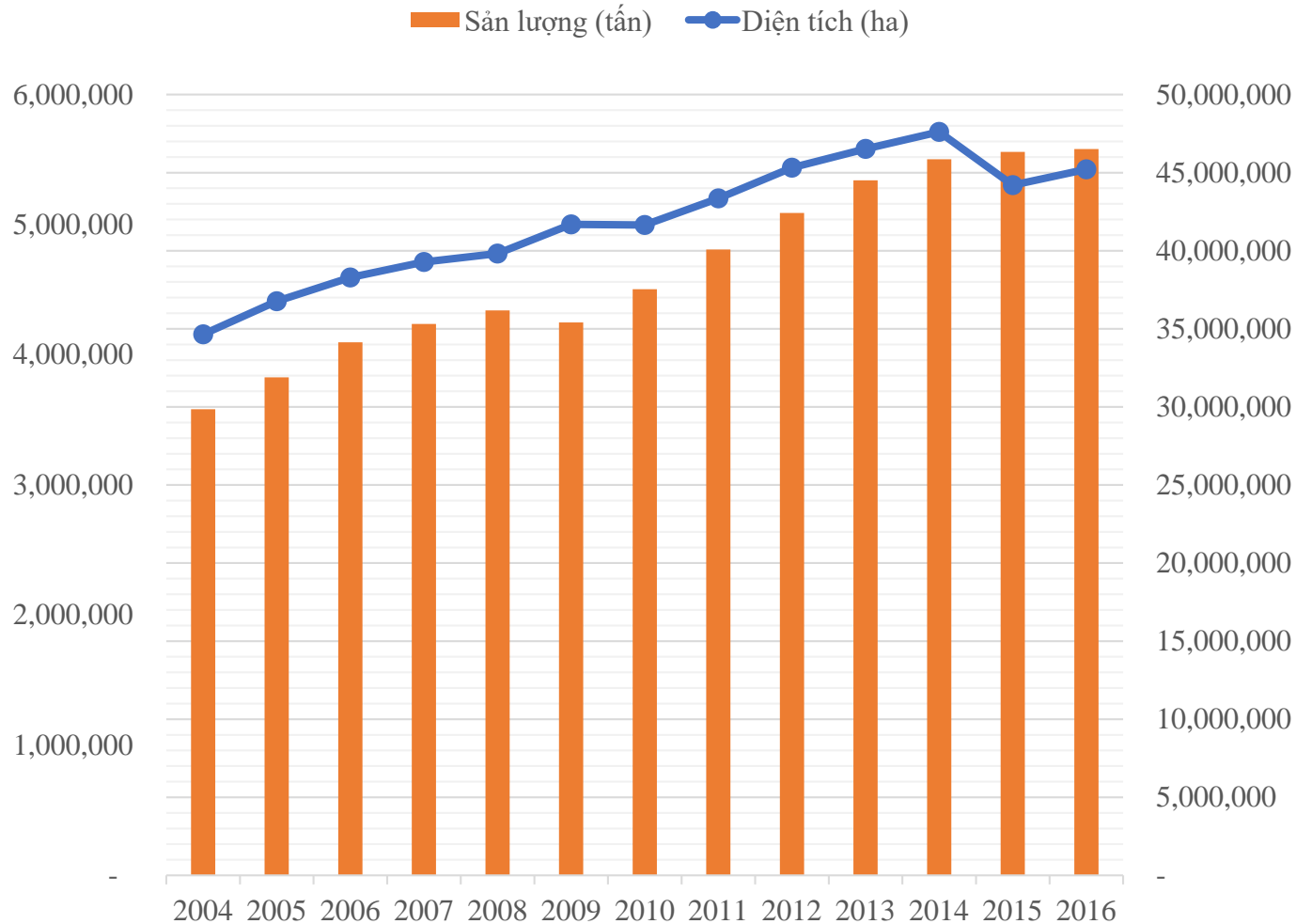


# Thị trường Xoài: Hiện trạng – Tiềm Năng – Triển vọng

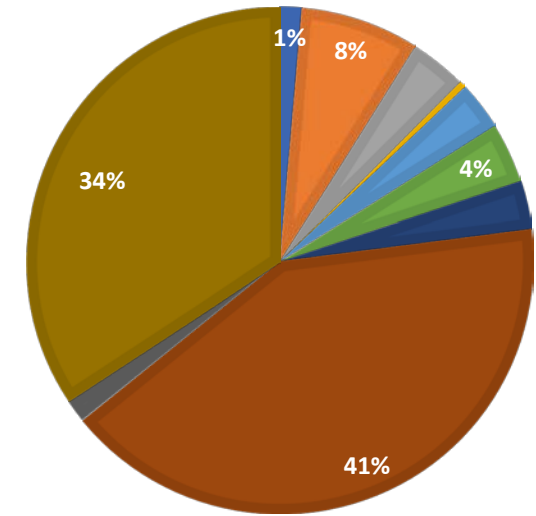
TS. Nguyễn Đức Lộc  
SCAP

Diện tích: 5,4 triệu ha, Sản lượng: 46,5 triệu tấn; DT tăng: 2,2%/năm; SL tăng 3,8%/năm (2004-2016)

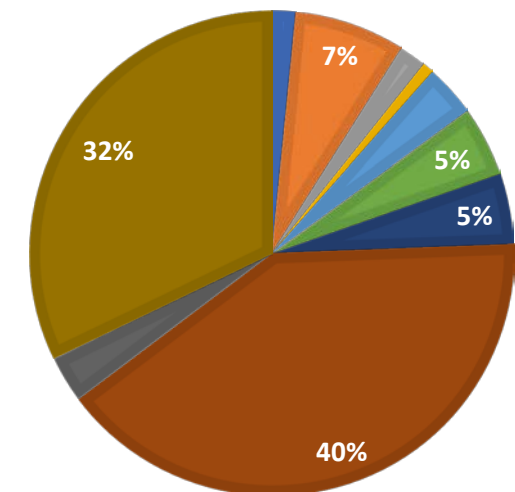


VietNam Thailand Philippine Peru Pakistan  
Mexico Indonesia India Brazil Others

**DIỆN TÍCH (HA)**



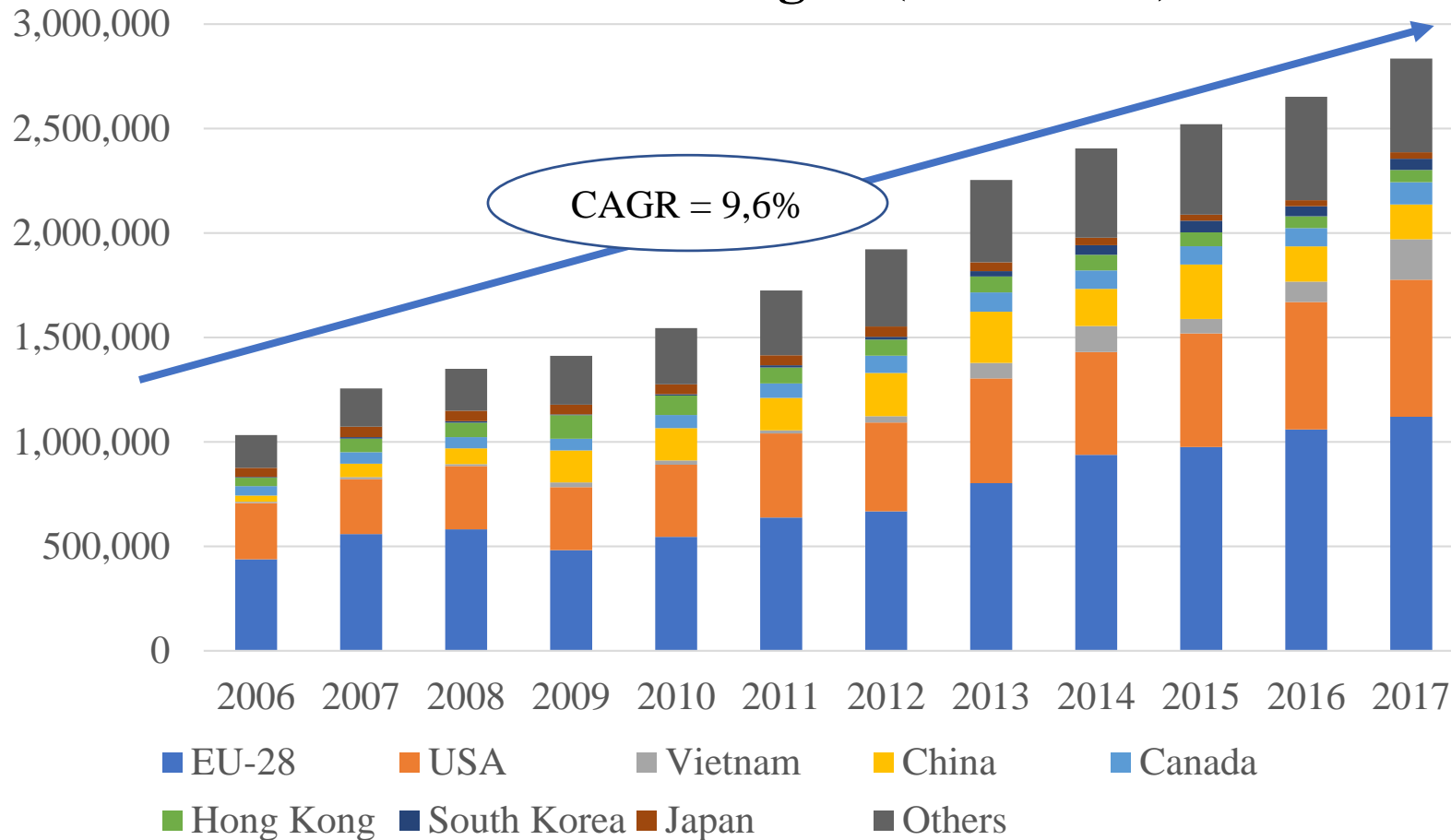
**SẢN LƯỢNG (TẤN)**



Nguồn: FAO, 2018

# Các thị trường nhập khẩu chính của nhóm sản phẩm Xoài – Măng Cụt - Ổi (HS code 080405)

Nhóm 8 thị trường nhập khẩu xoài – măng cụt - ổi lớn nhất thế giới (Unit: US\$)



	Quy mô (US\$ Triệu)	CAGR 2006-2017 (%)
EU-28	1.12	8.9%
USA	0.66	8.4%
<b>Vietnam</b>	<b>0.19</b>	<b>36.5%</b>
<b>China</b>	<b>0.17</b>	<b>16.9%</b>
Canada	0.11	8.2%
<b>Hong Kong</b>	<b>0.06</b>	<b>3.4%</b>
<b>South Korea</b>	<b>0.05</b>	<b>27.3%</b>
Japan	0.03	-3.0%

Trong nhóm sản phẩm này, Việt Nam đứng thứ 3 về giá trị nhập khẩu chủ yếu do lượng nhập khẩu măng cụt từ Thái Lan khá lớn (chiếm khoảng 80% tổng giá trị nhập khẩu của nhóm hàng này)

# Quy mô TT NK và thị phần của các TT XK lớn nhất

	EU	Hàn Quốc	TQ	US			Asian	Nhật Bản
				Xoài thường	Xoài organic	Xoài sấy		
Quy mô 2016 (triệu USD)	1.015	48,3	20,4	450,3	19,5	95,8	180,1	28,1
Tăng trưởng (%) CAGR 2006-2016	7,9%	26%	16,1%	9,3%	-35,8%	15,6%	18,8%	-3,7%
3 nước xuất khẩu chính và thị phần	49,7%	88,5%	85,4%	84,7%	83,7%	90,8%	64,3%	77,0%
- Thứ nhất	Brazil (25,6%)	Thái Lan (61,4%)	Đài Loan (44,8%)	Mexico (58,1%)	Mexico (35%)	Mexico (45,1%)	Thái Lan (59,2%)	Mexico (36,1%)
- Thứ hai	Peru (18,7%)	Philippines (21,8%)	Thái Lan (24,4)	Ecuador (13,7%)	Peru (30,7%)	Philippines (36,6%)	Malaysia (2,9%)	Thái Lan (25,5%)
- Thứ ba	Bờ Biển Ngà (5,3%)	Peru (5,3%)	Philippines (16,2%)	Peru (12,9%)	Ecuador (18%)	Thái Lan (9,1%)	Úc (21,1%)	Đài Loan (15,4%)

## Việt Nam

VS

## Thái Lan

Loại trái cây		Giá trị xuất khẩu 2016 (1000 USD)	Cán cân XNK 2016 (1000 USD)	Thị phần thế giới (%)	Thứ hạng thế giới	Mức độ tập trung thị trường	Giá trị xuất khẩu 2016 (1000 USD)	Cán cân XNK 2016 (1000 USD)	Thị phần thế giới (%)	Thứ hạng thế giới	Mức độ tập trung thị trường
Trái cây tươi	Chuối	17,146	16,641	0.2	38	0.59	14,410	9,715	0.1	40	0.29
	Dứa	139	139	0	68	0.16	1,604	1,523	0.1	31	0.14
	Xoài, măng cụt, ổi	75,215	-30,127	0.3	36	0.16	166,367	156,121	7.4	6	0.26
	Cam	77	-72,925	0	87	0.37	2,584	-5,755	0.1	45	0.46
	Bưởi	1,198	-2,685	0.1	29	0.13	10,907	10,902	1.3	12	0.36
	Thanh long, nhãn, vải, chôm chôm, và trái cây nhiệt đới khác	668,379	399,830	25.5	1	0.69	413,084	383,527	15.8	2	0.26
Trái cây chế biến	Mứt các loại (2007)	4,808	1,309	0.2	56	0.15	31,953	22,595	1	24	0.07
	Trái cây chế biến khác (2008)	239,586	151,551	1.7	16	0.13	1,030,811	937,125	7.1	3	0.17
	Nước trái cây cô đặc (2009)	58,849	36,650	0.4	32	0.1	738,120	663,871	5	6	0.16

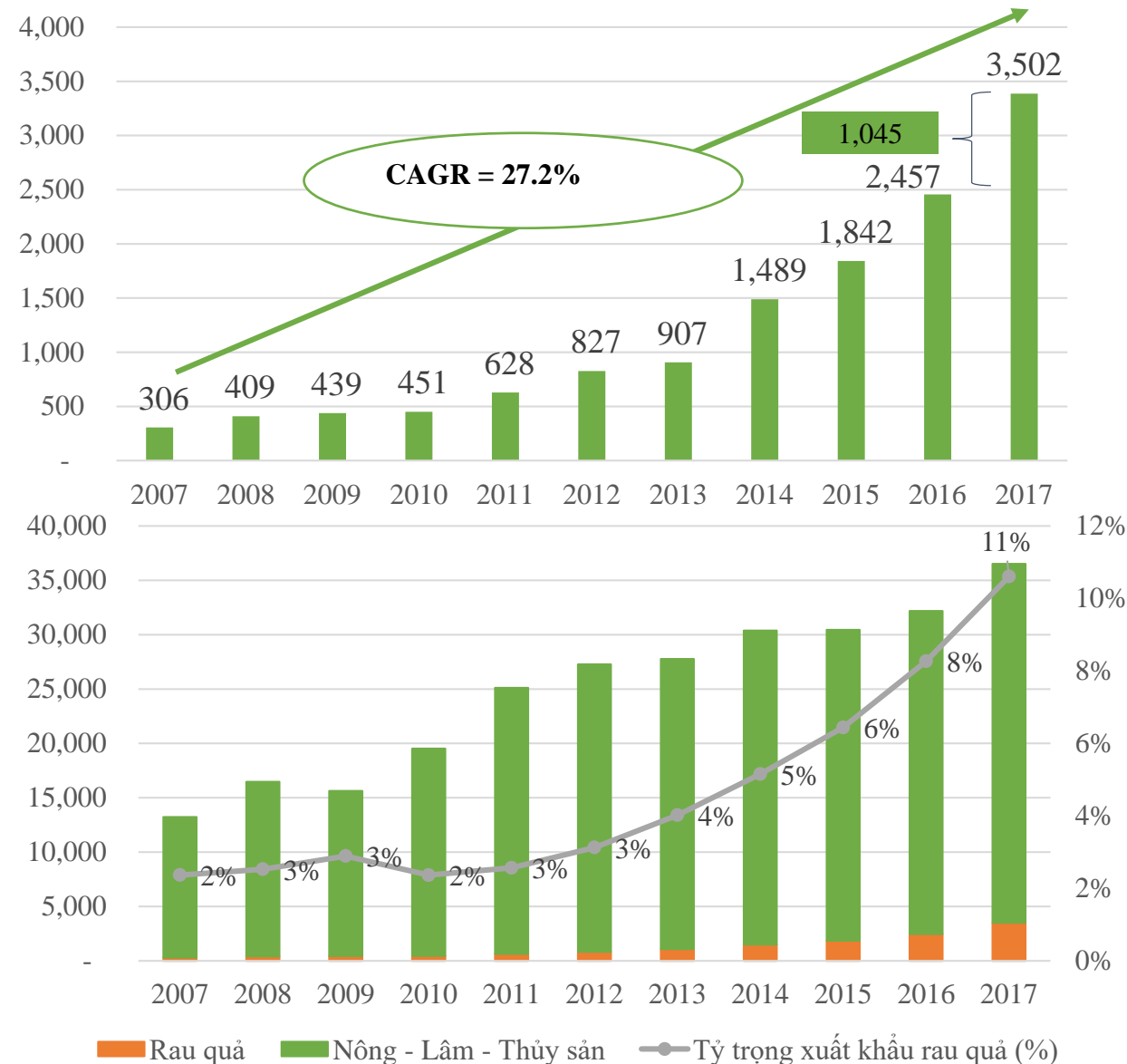
Nguồn: (ITC, 2017)

Mức độ tập trung thị trường dựa trên chỉ số Herfindahl index. Chỉ số này từ 0.10 – 0.18 là tập trung thị trường mức độ vừa, và trên 0.18 là cao

# Ngành rau quả đang tăng lên nhanh và ổn định

- Ngành rau quả đạt được những kết quả ấn tượng trong ngành nông nghiệp Việt Nam.
  - Năm 2007: GTXK: 306 triệu USD, (2% GTXK NLTS); 2017 tăng lên 3,5 tỷ USD, (11% GTXK NLS).
  - Năm 2017: Rau quả đóng góp khoảng 929 triệu USD (khoảng hơn 20%) tổng mức tăng GTXK NLTS (4,2 tỷ USD).
  - Tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt hơn 27% trong giai đoạn 2007 – 2017;
  - Vượt qua cà phê, lúa gạo, và cao su để trở thành ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

Giá trị xuất khẩu rau quả Việt Nam (triệu USD)

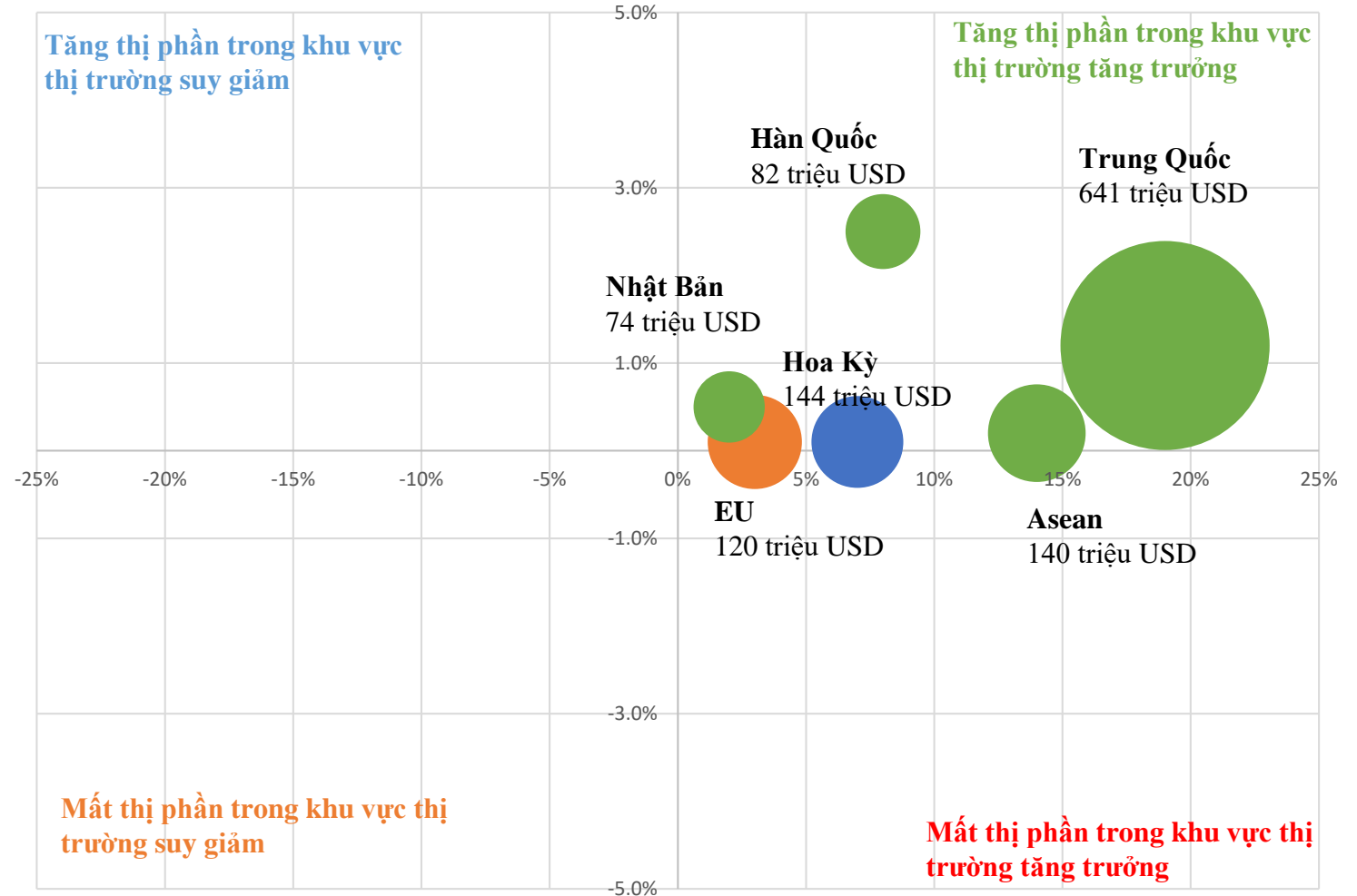


# Tăng trưởng thị phần của Việt Nam tại các thị trường chính

## Thị trường xuất khẩu chính của rau quả Việt Nam

- Các thị trường quan trọng đều nằm trong khu vực tăng trưởng tốt mà Việt Nam đang tăng thị phần. Trong đó,
  - Thị trường Hàn Quốc có sự gia tăng thị trường đáng kể, gần 3% trong giai đoạn 2006-2016.
  - Việt Nam cũng đang gia tăng thị phần khá tốt ở thị trường Trung Quốc và Nhật Bản.
  - Các thị trường Hòa Kỳ, EU, và Asean có chênh lệch thị phần giai đoạn 2006 – 2016 rất thấp, khoảng 0,2%.

Thị phần của VN (tăng/giảm 2016 so với 2006)(%)



Tăng trưởng nhập khẩu của thị trường từ các nước trên thế giới 2006 - 2016, CAGR (%)

Nguồn: (ITC, 2017)

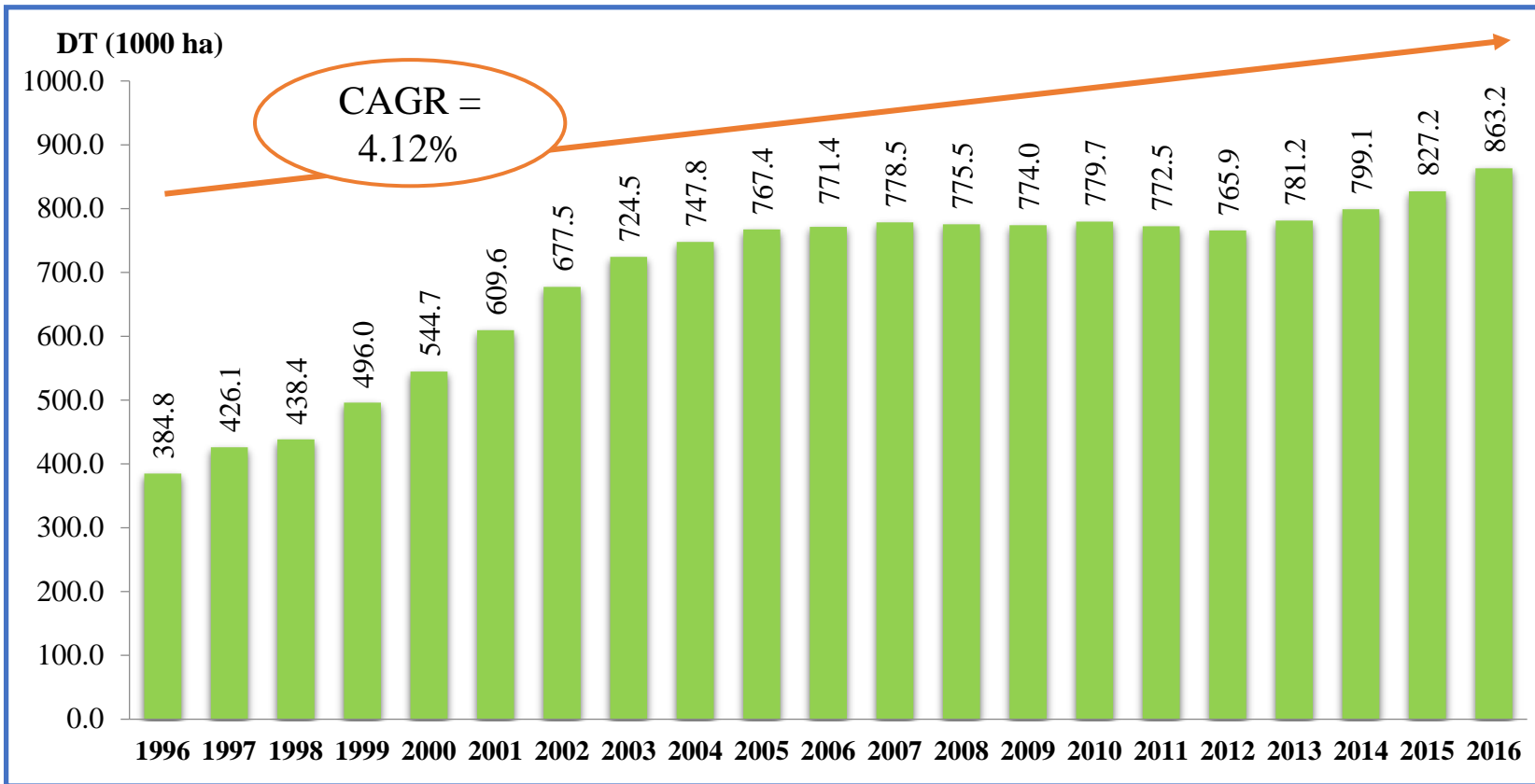
Số liệu xuất khẩu bao gồm HS code 07, 08, và 20. Trong đó không bao gồm: 071410 (sắn), 0801 (hạt điều, dứa), 0802 (các hạt khác).

Kích cỡ bong bóng là giá trị nhập khẩu rau quả của thị trường từ Việt Nam

# Sản xuất: DT:923,9 nghìn ha, SL: 9,2 triệu tấn

Diện tích cây ăn quả tại Việt Nam giai đoạn 1996-2016

10 loại trái cây chủ lực



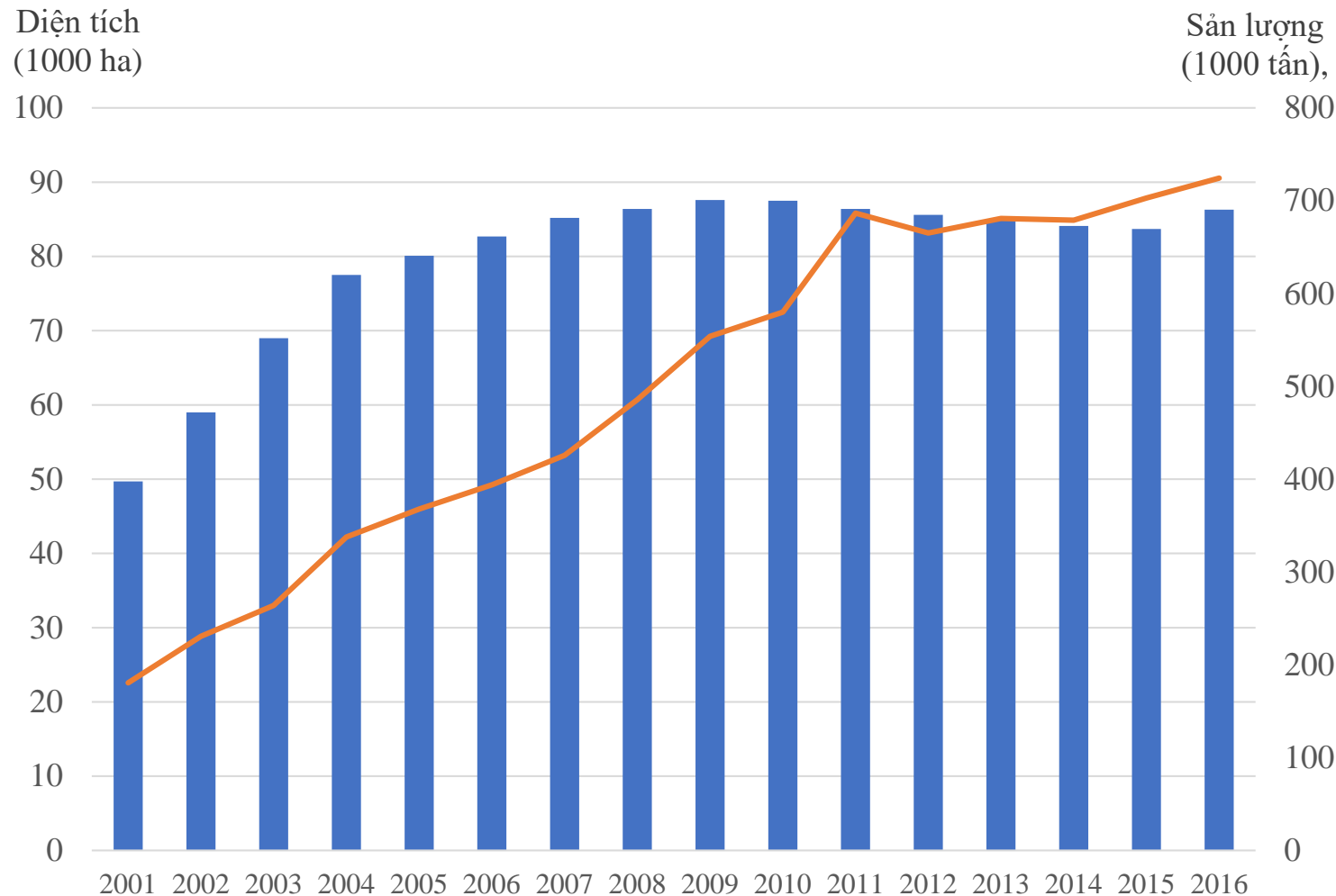
Cây trồng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Thanh long	42,0	707,6
Chuối	133,0	1.943,3
Dứa	39,7	578,2
Xoài	83,7	702,9
Cam	66,8	566,1
Bưởi	51,7	471,4
Vải	65,0	356,6
Nhãn	73,3	513,0
Chôm chôm	25,6	358,5
Sầu riêng	31,9	366,3
<b>Tổng/Trung bình</b>	<b>612,7</b>	<b>6.563,9</b>

- Diện tích cây ăn quả tăng 4,12%/năm trong giai đoạn 1996-2016,
- 10 loại trái cây chủ lực (DT>20 nghìn ha), chiếm 86% tổng SL trái cây cả nước.
- Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống cây trồng, vùng chuyên canh và trình độ canh tác của các nhà vườn được nâng cao.
- Tổ chức rải vụ thành công 5 nhóm sản phẩm trái cây chủ lực gồm: Thanh long, Xoài, Nhãn, Chôm chôm và Sầu riêng

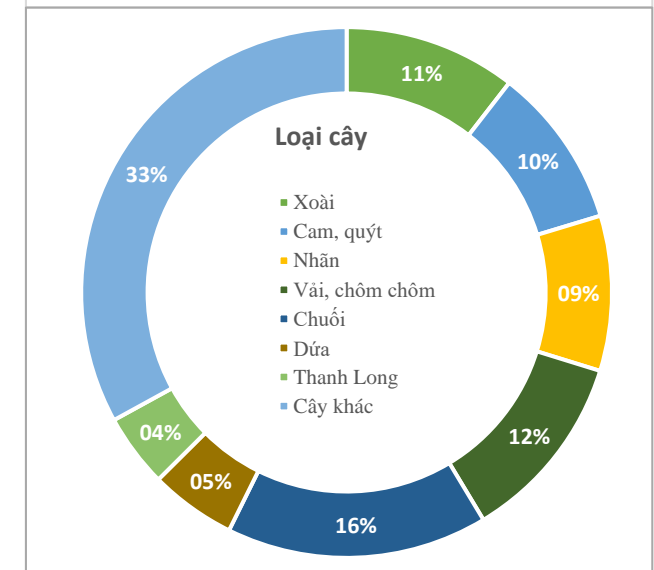
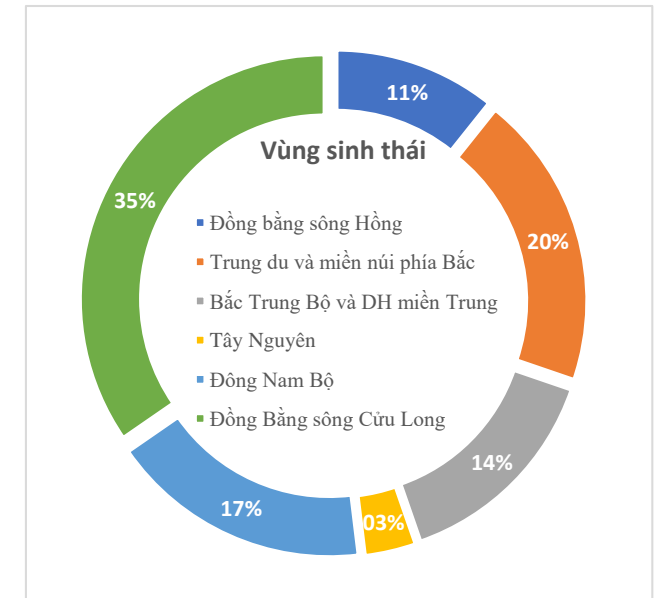
Nguồn: (Bộ NN&PTNT, 2017)



Xoài là thuộc nhóm TC chủ lực; DT: 86,3 nghìn ha, 3,7%/năm; SL:724,4 nghìn tấn, 7,9%/năm)

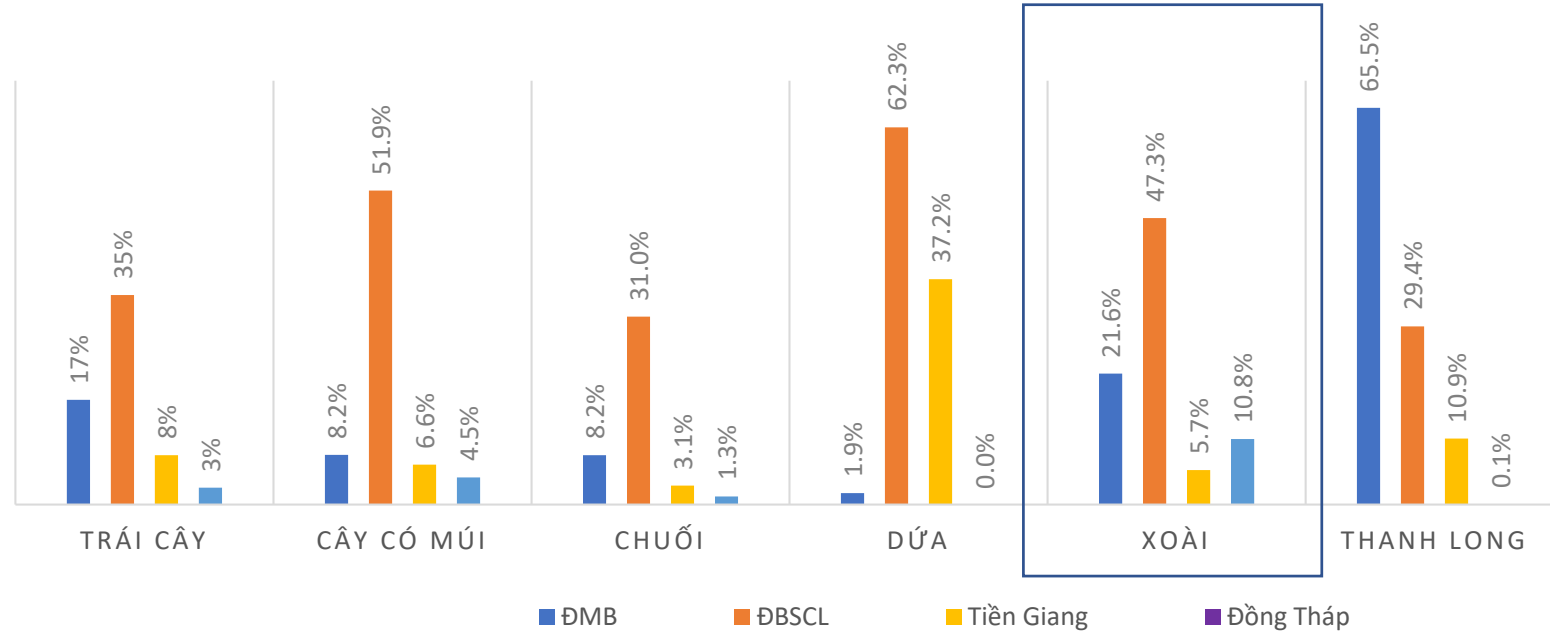


Nguồn: Bộ NN&PTNT, 2017

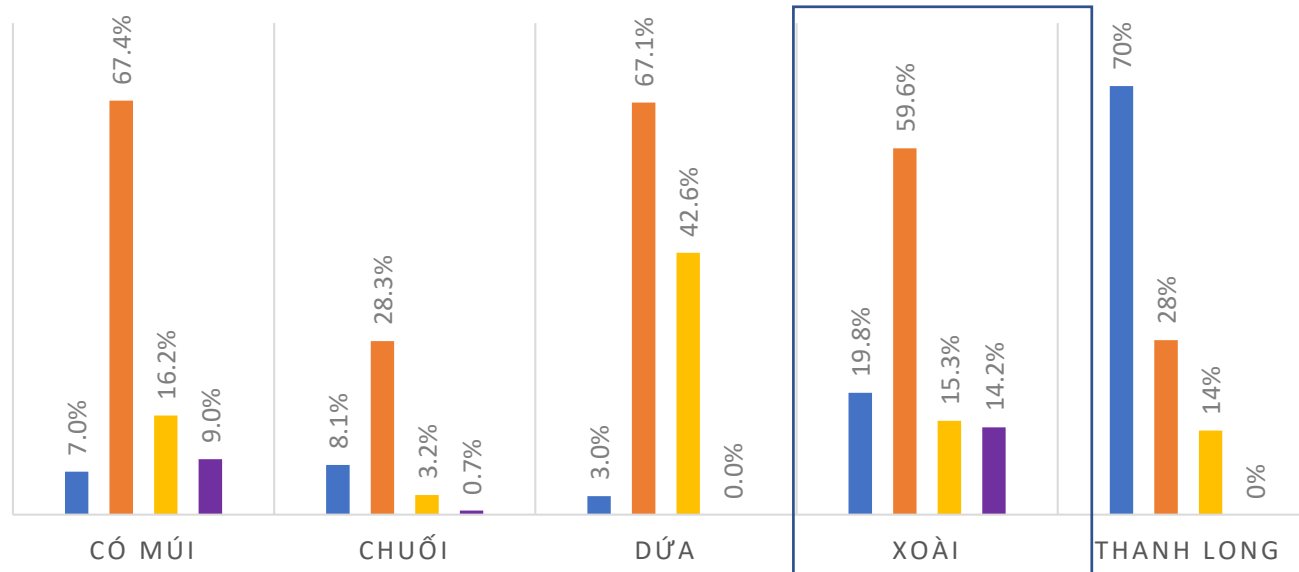


# Tiền Giang, Đồng Tháp có DT, SL xoài lớn nhất

## Diện tích

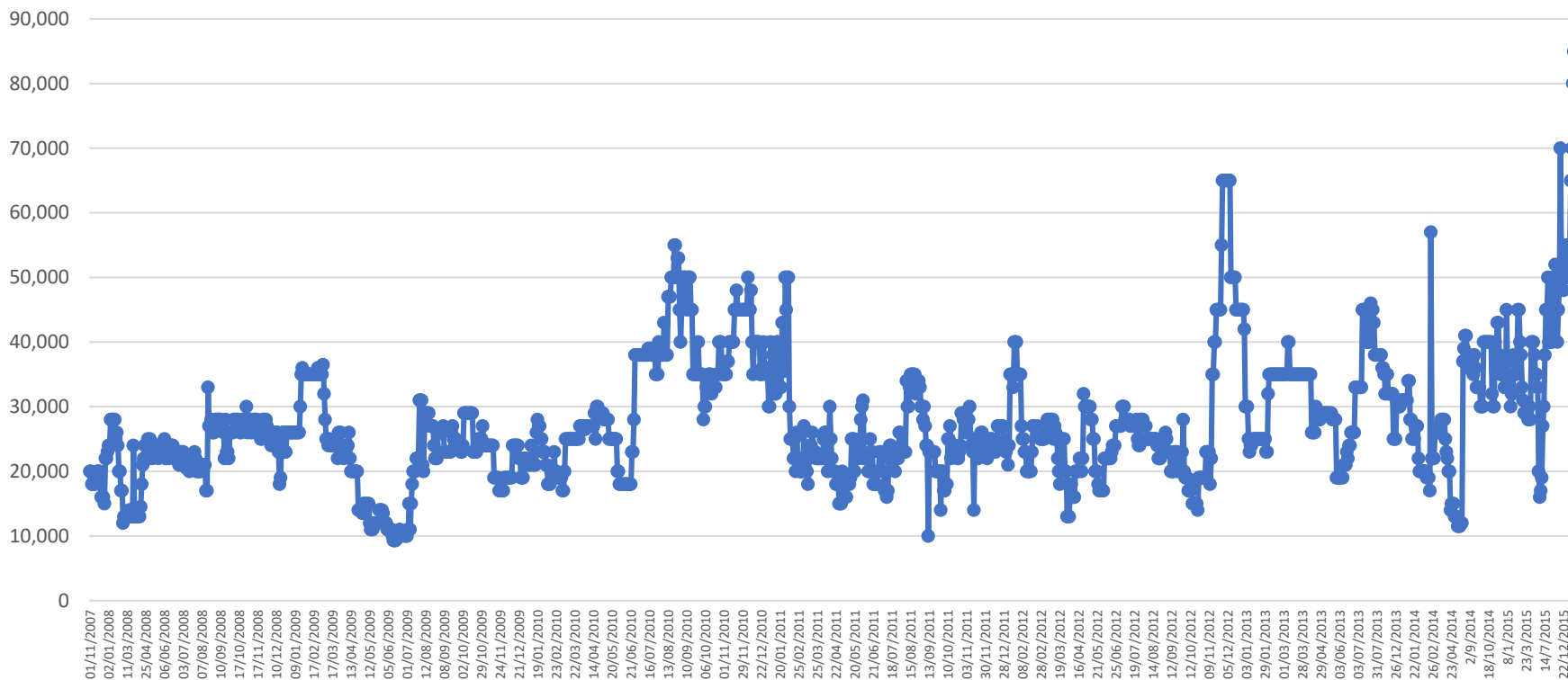


## Sản lượng

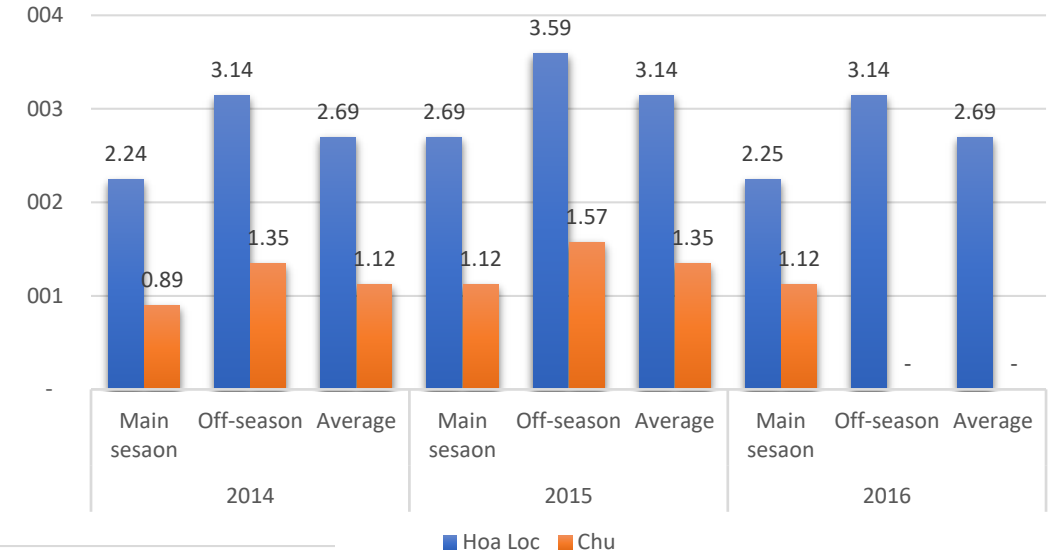


# Giá xoài luôn biến động, phụ thuộc vào khả năng xử lý ra hoa của nhà vườn?

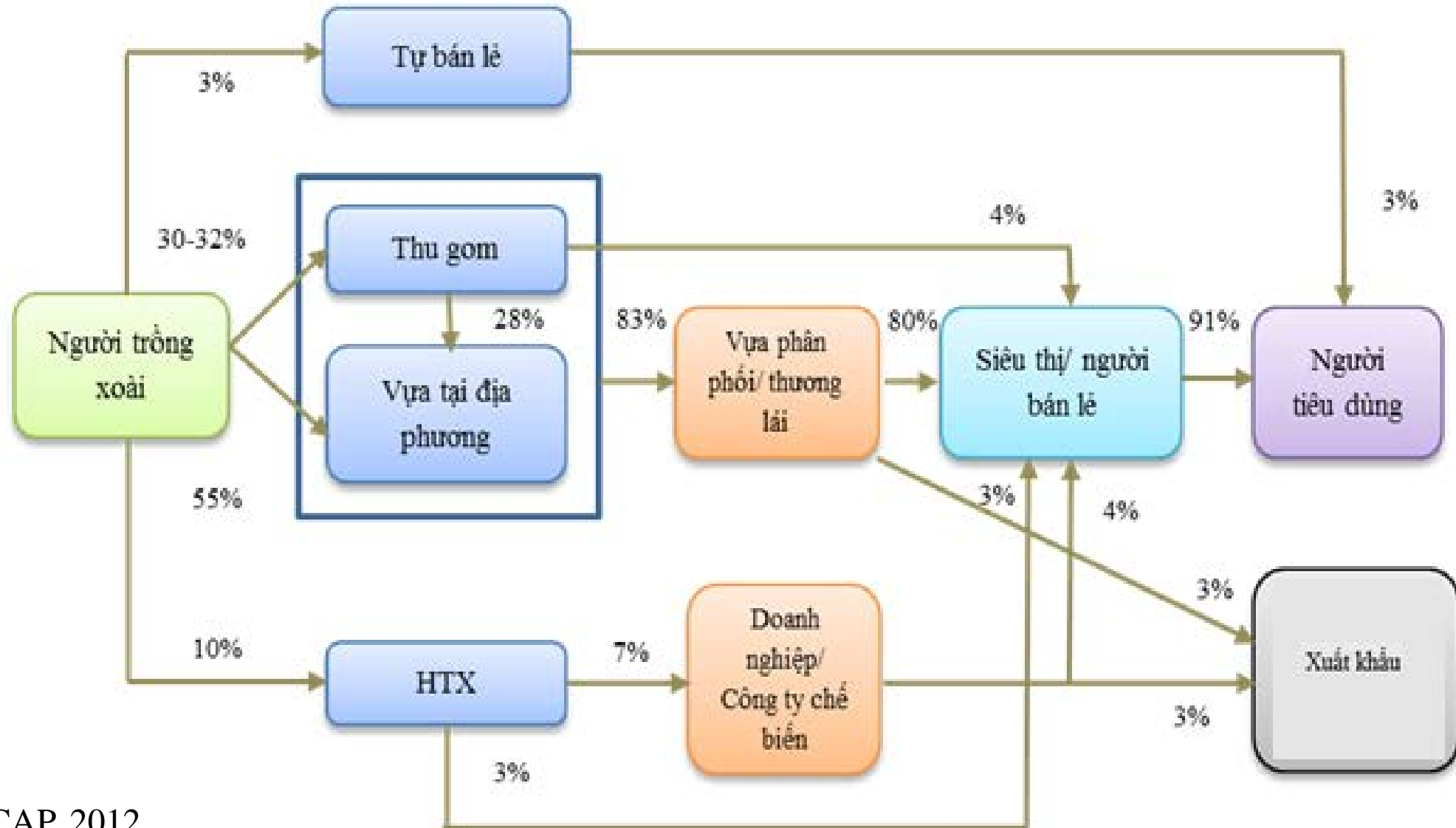
## Giá xoài tại chợ đầu mối Thủ Đức



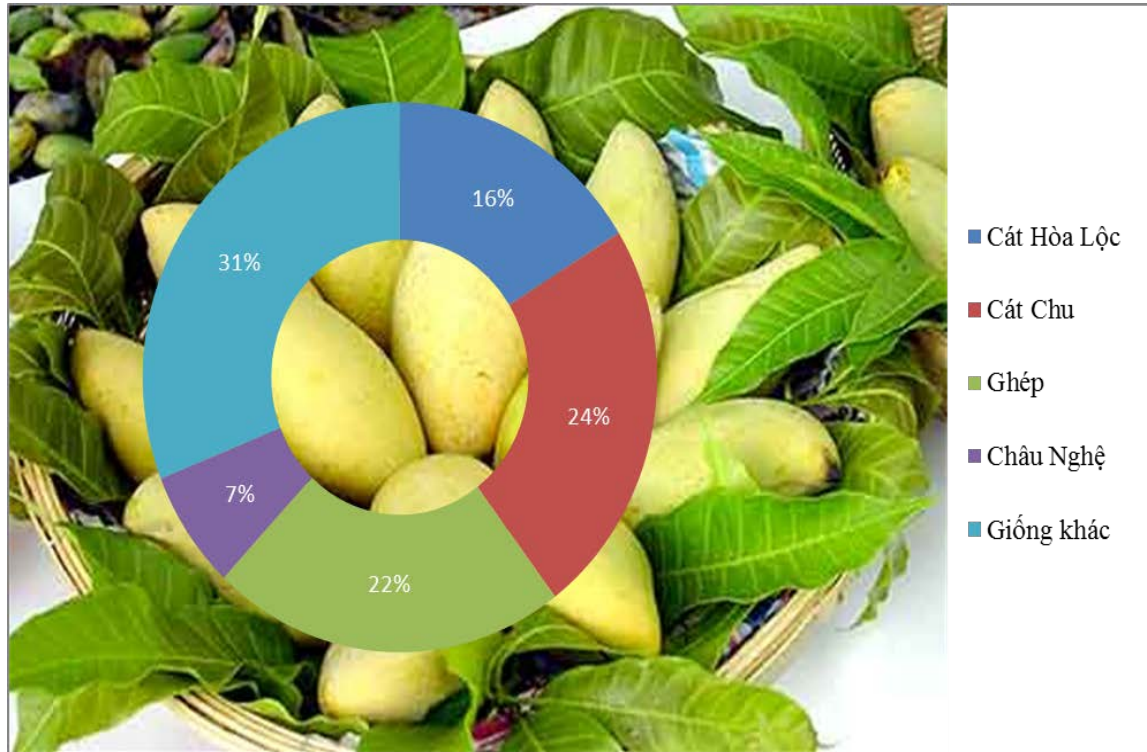
## Giá xoài tại chợ đầu Mỹ Hiệp, Đồng Tháp



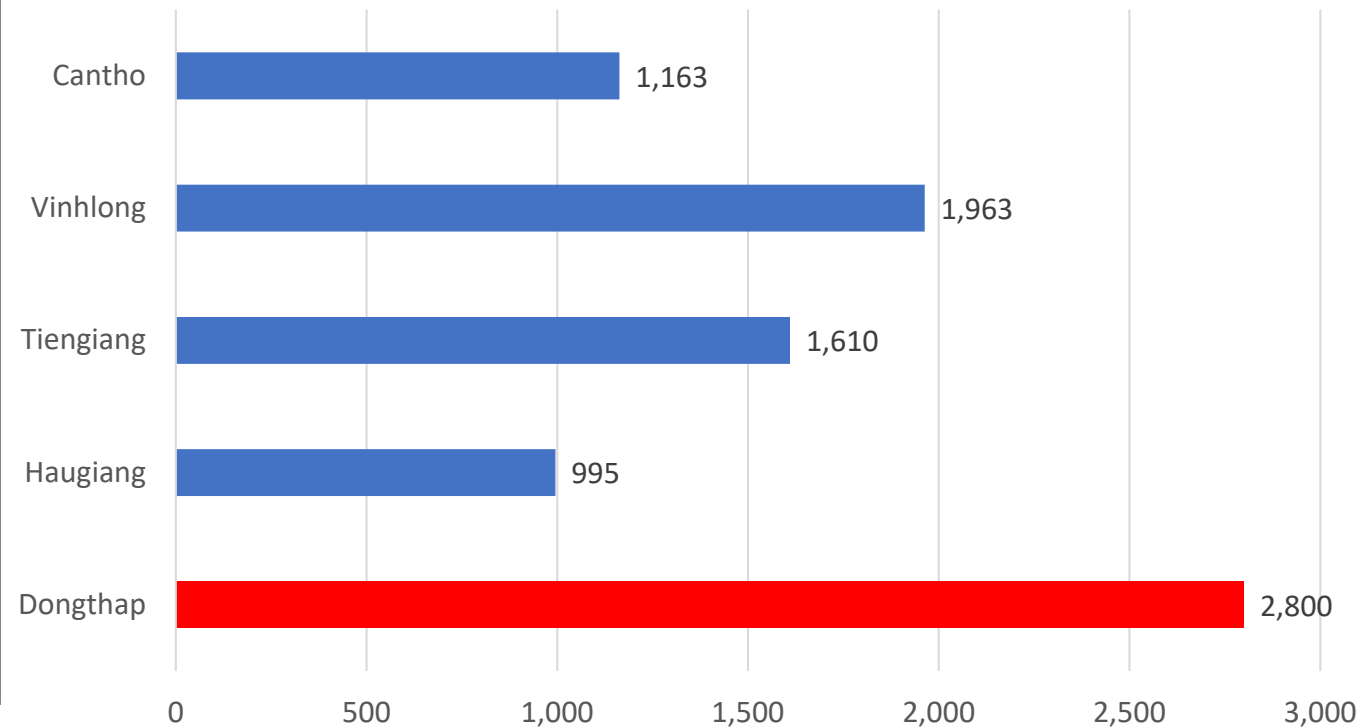
# Chuỗi giá trị xoài ĐBSCL: vẫn chủ yếu theo chuỗi truyền thống



# Nhiều loại giống, khả năng rải vụ khá cao (20% diện tích)

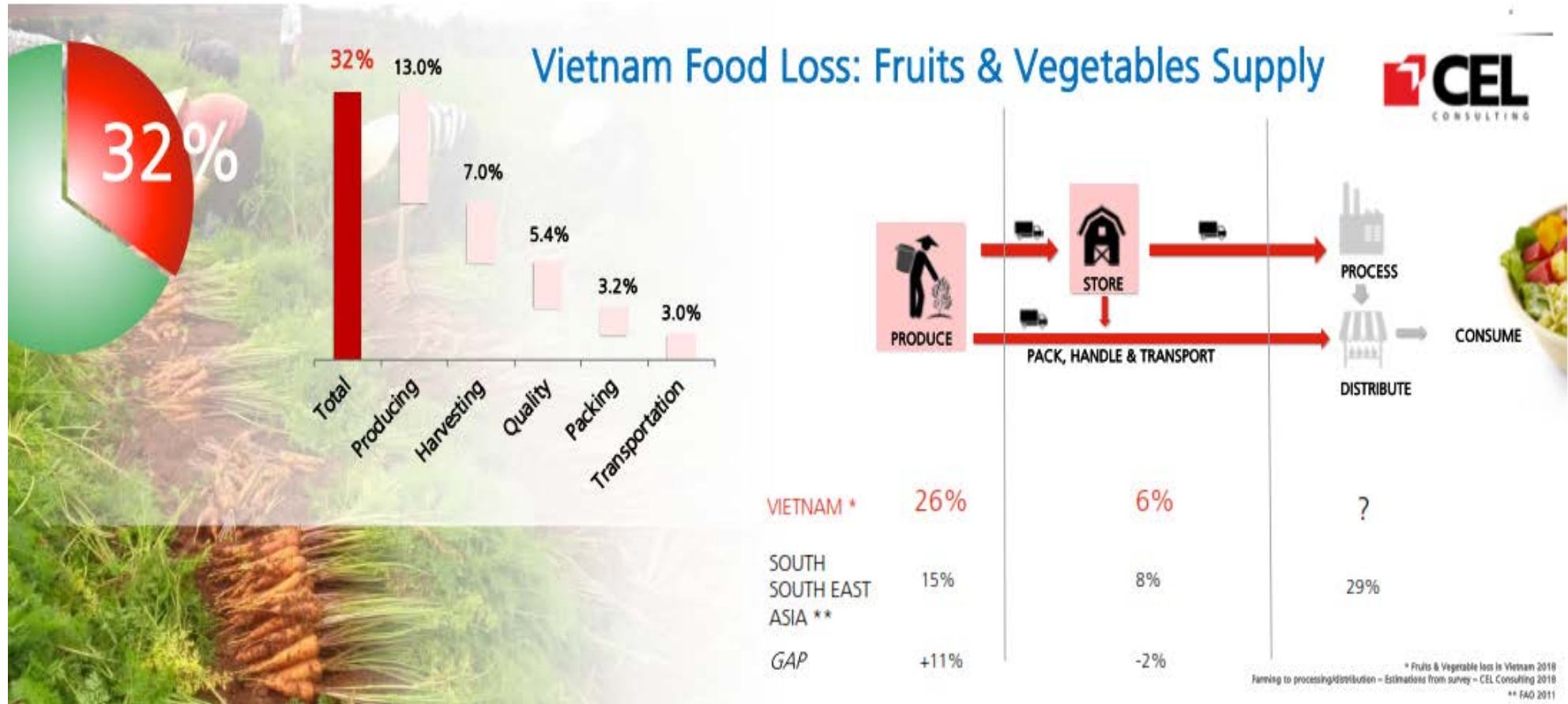


The Area of Off-season Technique Application in MeKong Delta



# Tỷ lệ hao hụt cao, chi phí logistic lớn

- Chi phí cho logistics 21-25% GDP;
- Cao hơn Thái Lan 6%, Malaysia 12%, Singapore 300%.



# Triển vọng thị trường trong nước

- Chi cho tiêu dùng rau quả được dự báo là sẽ tiếp tục tăng trong các năm tiếp theo với mức tăng bình quân được dự báo khoảng 7%/năm.
- Nhu cầu tiêu dùng các loại rau quả có chất lượng, đảm bảo an toàn tăng cao tạo áp lực cho sản xuất trong nước.
- Hệ thống các siêu thị, cửa hàng rau an toàn đang phát triển khá mạnh, đặc biệt là ở các thành phố lớn như Hà Nội và Hồ Chí Minh.

# Triển vọng thị trường xuất khẩu

- Thị trường trái cây thế giới vẫn đang tăng trưởng nhanh, quy mô thị trường lớn (83 tỷ USD; 6.2%/năm (2006-2016))
- Rau quả của Việt Nam đã được xuất đi trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó 10 thị trường xuất khẩu chính.
- Trung Quốc vẫn là thị trường chính (70% giá trị XK rau quả của Việt Nam).
- XK rau quả Việt Nam sang các thị trường khó tính chiếm thị phần khá nhỏ, (3%-4%), tuy nhiên tiềm năng xuất khẩu vào các thị trường này là rất lớn.
- Mỹ đã cho phép nhập khẩu một loạt trái cây của Việt Nam và đang hoàn tất thủ tục cho phép nhập khẩu xoài và vú sữa (yêu cầu chiếu xạ).
- Nhật Bản đã cho phép nhập khẩu thanh long ruột trắng, xoài từ Việt Nam (xử lý bằng hơi nước nóng tối thiểu ở nhiệt độ 46,5 độ C trong 40 phút).
- Úc đã chính thức mở cửa cho trái xoài, vải từ thị trường Việt Nam.



**Thank you for your attention!**